

C.TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP EAWY

Kính gửi: UBND TỈNH ĐẮK LẮK
Và: Các bên liên quan (Quan tâm)

TÓM TẮT KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN, SỬ DỤNG RỪNG BỀN VỮNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC TRONG VÙNG CẤP CHỨNG CHỈ RỪNG

1. Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học

1.1. Kế hoạch bảo vệ rừng

- Bảo vệ rừng tự nhiên sản xuất:

Tiến hành bảo vệ: 44,96 ha rừng tự nhiên sản xuất trong vùng cấp chứng chỉ rừng kể cả các giá trị về ĐDSH, quần thể các loài động, thực vật, các giá trị về cảnh quan môi trường.

- Duy tu và bảo vệ hành lang ven suối trong vùng cấp chứng chỉ rừng kể cả các giá trị về ĐDSH, quần thể các loài động, thực vật, các giá trị về cảnh quan môi trường.

- Bảo vệ rừng trồng Tách trong vùng cấp chứng chỉ rừng:

Đối với diện tích rừng trồng đạt tiêu chí thành rừng đưa vào kế hoạch vào vệ rừng, đối với diện tích rừng còn nhỏ từ 1-3 tuổi đưa vào kế hoạch phát triển rừng.

- Bảo vệ các loài cây tái sinh và cây khác hỗn giao trong rừng trồng sản xuất.

Tiến độ thực hiện phân theo từng năm như sau:

Đơn vị tính: ha

STT	HẠNG MỤC	Kế hoạch bảo vệ rừng sản xuất giai đoạn 2023 - 2030							
		2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
	BẢO VỆ RỪNG	408,54	392,20	372,03	381,11	376,19	374,16	395,93	401,24
1	Bảo vệ rừng tự nhiên	44,96	44,96	44,96	44,96	44,96	44,96	44,96	44,96
2	Bảo vệ rừng trồng	349,47	334,13	314,94	323,02	317,10	314,09	321,26	326,57
3	Bảo vệ các loài cây TS và các loài cây khác trong rừng trồng	12,13	12,13	12,13	12,13	12,13	12,13	26,73	26,73
4	Bảo vệ hành lang ven suối	1,98	0,98	-	1,00	2,00	2,98	2,98	2,98

* Xây dựng quy chế và biện pháp bảo vệ rừng

- Tổ chức các lực lượng bảo vệ rừng

+ Bao gồm lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách của BQL và sự tham gia của cộng đồng dân cư thông qua hình thức khoán cho nhóm hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, bản, buôn, làng để bảo vệ rừng.

+ BQL tự quyết định về tổ chức bộ máy, biên chế lực lượng bảo vệ chuyên trách về các trạm bảo vệ rừng trong từng thời kỳ theo yêu cầu về công tác quản lý và căn cứ vào quy định của Nhà nước. Quy định chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của các lực lượng nêu trên theo quyền hạn của mình và theo quy định của Pháp luật.

- Biện pháp bảo vệ rừng

+ Xây dựng quy chế bảo vệ rừng trên cơ sở các quy định hiện hành về Quy chế quản lý rừng đồng thời căn cứ vào các phân vùng chức năng để đề ra những hoạt động khuyến

khích và những hoạt động nghiêm cấm.

*** *Vùng có giá trị bảo tồn cao***

Diện tích 25,22 ha rừng tự nhiên thuộc: Khoảnh 13 - Tiểu khu 78, khoảnh 4 - tiểu khu 90 của xã Cư A Mung; Khoảnh 2 tiểu khu 51 của xã Cư Một và khoảnh 3 tiểu khu 71A.

+ Mục đích kinh doanh: Không sử dụng vào mục đích thương mại, không xây dựng cơ sở hạ tầng, không sử dụng hóa chất.

+ Mục đích sử dụng tại chỗ: Chỉ thu hái một số lâm sản phụ như cây thuốc, nấm... nhưng không được diễn ra trong mùa giao phối, sinh sản.

*** *Vùng sản xuất, kinh doanh***

Bao gồm:

- Diện tích rừng trồng Tách của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ea Wy hiện có: 389,28 ha,

Mục đích sử dụng tại chỗ: Khai thác lâm sản.

+ Phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức tuyên truyền nội quy, quy chế bảo vệ rừng kê cả việc in ấn tờ rơi với các nội dung tuyên truyền giáo dục ý thức bảo vệ rừng. Xây dựng hương ước, quy ước về bảo vệ rừng đến từng làng, từng xã nằm trong lâm phần quản lý của Công ty. Trong hương ước, quy ước ghi rõ những việc được làm, những việc hạn chế và những hành vi nghiêm cấm để người dân tự giác, tự nguyện thực hiện.

+ Xây dựng các bảng tuyên truyền tại các phân khu chức năng thể hiện đầy đủ các hành vi nghiêm cấm phù hợp với từng vùng chức năng.

+ Ngăn chặn, xử lý các vụ khai thác, sử dụng tài nguyên rừng trái Pháp luật, săn bắt, buôn bán các loài động thực vật hoang dã v.v...

+ Thường xuyên kiểm tra và hướng dẫn các hộ gia đình, các cộng đồng nhận khoán bảo vệ rừng.

*** *Chống chặt phá, xâm lấn rừng***

Để thực hiện nhiệm vụ này, Công ty củng cố, nâng cao năng lực cho các cán bộ chuyên trách quản lý bảo vệ rừng của đơn vị mình đồng thời phối hợp với Chính quyền địa phương tuyên truyền vận động người dân thực hiện nghiêm chỉnh Luật Lâm nghiệp và các quy phạm Pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ rừng. Tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức truy quét các đối tượng bên ngoài khai thác, chặt phá rừng trái Pháp luật.

+ Khuyến khích và có chính sách cho người dân phát hiện và trình báo các vụ việc xâm lấn, chặt phá rừng.

+ Hằng năm phân chia khu vực quản lý cho các trạm bảo vệ kinh doanh rừng. Xây dựng chế độ, thời gian biểu tuần tra, canh gác cũng như giám sát các hoạt động kinh tế,... có thể xâm hại đến tài nguyên rừng.

1.2. Kế hoạch xây dựng phương án bảo vệ, phòng cháy và chữa cháy rừng

*** *Tổ chức lực lượng phòng cháy và chữa cháy rừng:***

- Công ty thành lập 01 ban chỉ đạo công tác PCCCR: gồm Phó Giám đốc làm trưởng ban, Trưởng phòng Kỹ thuật - QLVR làm phó ban, 03 phân trưởng trưởng của 03 phân trưởng làm tổ trưởng của 03 tổ đội PCCCR, nhân viên các phòng ban, phân trưởng là thành viên, tổ đội PCCCR gồm có 18 người.

- Cán bộ, người lao động của Công ty thường xuyên tuần tra, kiểm tra giám sát công tác PCCCR, kịp thời huy động lực lượng chữa cháy khi có cháy rừng xảy ra.

- Thành lập các đội thường trực PCCCR để trực tiếp cùng các lực lượng tổ đội nhận khoán, tuần tra, trực cháy, huy động chữa cháy và trực tiếp chữa cháy rừng.

- Công ty tổ chức huấn luyện, diễn tập về phòng cháy, chữa cháy rừng cho toàn bộ thành viên trong tổ đội PCCCR theo quy định của Pháp luật.

- Phân công, bố trí lực lượng chỉ huy, trực chữa cháy rừng tại các điểm trực gác trong thời kỳ cao điểm mùa khô gồm: lực lượng chỉ huy, lực lượng chữa cháy tại các điểm trực gác.

- Do diện tích phòng cháy chữa cháy rừng mùa khô nằm trải dài trên địa phận hành chính của 04 xã, tình trạng người dân ra vào rừng, lấn chiếm đất rừng, đốt nương làm rẫy vẫn còn diễn ra phức tạp gây khó khăn trong công tác tuần tra, kiểm tra rừng, phòng chống cháy rừng. Nên công ty bố trí 05 cán bộ làm nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng xuyên suốt trong năm.

- Mặt khác, diện tích rừng trồng của công ty nhiều nên đơn vị cần đặc biệt chú trọng đến công tác phòng cháy chữa cháy rừng vào các tháng cao điểm mùa khô, nên công ty hợp đồng thuê thêm 04 nhân công để tuần tra, kiểm tra quản lý bảo vệ rừng và trực phòng cháy chữa cháy rừng vào các tháng cao điểm mùa khô.

- Chi phí nhân công của lực lượng xuyên suốt quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và tiền nhân công trực các tháng cao điểm mùa khô được thanh toán từ nguồn kinh phí hỗ trợ được thể hiện tại phương án.

*** Các biện pháp phòng cháy rừng:**

- *Xác định thời gian dễ xảy ra cháy rừng trên địa bàn.*

Căn cứ các yếu tố khí hậu, thủy văn của địa phương và trên cơ sở theo dõi thực tế nhận thấy vùng huyện Ea H'Leo, thời gian dễ xảy ra cháy rừng là vào các tháng cao điểm mùa khô từ tháng 1 đến tháng 4 hàng năm. Trong thời gian này, công ty sẽ tiến hành phát dọn thực bì, vật liệu cháy, tổ chức khoanh vùng để đốt non phòng chống cháy rừng.

- *Xây dựng bản đồ phân vùng trọng điểm cháy rừng.*

+ Vùng trọng điểm dễ xảy ra cháy rừng là những khu vực rừng tự nhiên rụng lá, nửa rụng lá và những vùng tập trung nhiều diện tích rừng trồng gồm các tiểu khu 50, 51, 55, 56, 57, 62, 78, 91 và 96.

+ Các biện pháp áp dụng cho vùng trọng điểm cháy: Hàng năm đơn vị xây dựng phương án chữa cháy rừng cụ thể cho từng vùng trọng điểm cháy. Tổ chức lực lượng tuần tra canh gác 24/24 giờ tại các vùng trọng điểm cháy

- *Xây dựng dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng;*

Cấp dự báo cháy rừng: gồm 5 cấp, từ cấp I đến cấp V; ký hiệu biển báo cấp cháy rừng là 1/2 hình tròn có đường kính vành ngoài 2,5 m; vành trong 1,8 m nền trắng, xung quanh viền màu đỏ và có mũi tên (quay được) chỉ cấp dự báo từ cấp I đến cấp V.

- *Tuyên truyền nâng cao nhận thức và kiến thức của cộng đồng về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng:*

+ Công ty tổ chức các buổi họp, tuyên truyền với các hộ dân sống gần rừng cũng như trong rừng nhất là tại các điểm di dân tự do đã và chưa được quy hoạch, không được chặt phá rừng trái phép, không săn bắn thú rừng, không đốt nương rẫy, không mang lửa, vật liệu cháy vào rừng, cũng như các hành vi tác động trái phép vào rừng. Nhằm nâng cao nhận thức và kiến thức của cộng đồng về công tác phòng cháy chữa cháy rừng;

+ Xây dựng Nội qui và biện pháp kỹ thuật phòng cháy, chữa cháy rừng và phổ biến đến tận người dân. Xây dựng phim ảnh, tờ rơi tuyên truyền về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

+ Tổ chức tuyên truyền bằng các văn bản Pháp luật về công tác bảo vệ rừng. Thống kê nương rẫy ven rừng và ký các cam kết với các hộ có nương rẫy ven rừng về công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy;

+ Phổ biến kỹ thuật phòng cháy chữa cháy rừng cho người dân sống trong và ven khu vực do Công ty quản lý thông qua hệ thống phát thanh, truyền hình và các lớp tập huấn về PCCCR.

+ Số lượng buổi tuyên truyền dự kiến trong giai đoạn 2023 - 2030: 08 đợt; Mỗi đợt dự kiến có 70 người tham gia.

- *Xây dựng hệ thống bảng biểu tuyên truyền, cảnh báo cháy rừng, bảng nội quy, bảng tam giác:*

+ Bảng cấp dự báo cháy rừng:

Trong giai đoạn 2023 - 2030 dự kiến xây dựng mới 01 bảng cấp dự báo cháy rừng đặt tại trạm quản lý bảo vệ rừng Ea Ral, Quy cách bảng: Bảng làm bằng tole, khung sắt, kích thước 4,2m x 2m, chân bảng cao 1m.

+ Bảng Pa nô tuyên truyền phòng cháy chữa cháy: Dự kiến trong giai đoạn 2023-2030 đơn vị xây dựng mới 04 bảng Pa nô tuyên truyền bằng thép kích thước 36m x 2,4m, chân bảng cao 1,1m.

+ Xây dựng bảng quy định QLBR, PCCCR (kích thước 40cm x 40cm). Tại các cửa rừng, khu vực trọng điểm cháy rừng cần đóng các bảng quy định về PCCCR. Số lượng dự kiến làm mới trong giai đoạn từ năm 2023 - 2030 là 360 bảng.

Quy cách bảng: Bảng làm bằng Tole, khung làm bằng sắt hộp, kích thước 0,6 x 0,9m.

+ Bảng tam giác cắm lửa, cắm chặt và đốt rừng: Rừng gần nương rẫy của người dân địa phương, khu vực đường mòn nơi đông người qua lại và các tuyến đường đi qua khu rừng thông cứ 200m phải bố trí biển cắm lửa hoặc cắm đốt rừng. Các biển cắm làm bằng sắt hình tam giác có kích thước (40 x 40 x 40 cm). Số lượng dự kiến làm mới trong giai đoạn 2023 - 2030 là: 400 bảng.

+ Bảng tam giác cắm sãn bắt động vật hoang dã: Trong giai đoạn từ năm 2023 - 2030 xây dựng mới là 150 bảng. Đóng tại các nhà sinh hoạt cộng đồng của các buôn, làng trên địa bàn và gần nương rẫy của người dân thường xuyên qua lại.

+ Bảng khu vực HCV: Trong giai đoạn từ năm 2023 - 2030 xây dựng mới là 02 bảng.

+ Bảng chỉ dẫn cây quý hiếm và động vật quý hiếm: Trong giai đoạn từ năm 2023 - 2030 xây dựng mới là 10 bảng.

+ Bảng khu vực hành lang ven suối: Trong giai đoạn từ năm 2023 - 2030 xây dựng mới là 02 bảng.

1.3. Kế hoạch phòng trừ sinh vật gây hại rừng

- Xây dựng đội ngũ cán bộ có kỹ thuật, chuyên môn, trực tiếp phụ trách công tác phòng trừ bệnh hại của Công ty, thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ về lĩnh vực phòng trừ sâu bệnh hại rừng:

+ Tiến hành chọn các giống cây có khả năng chống chịu sâu bệnh. Các cơ quan cung cấp giống phải có thương hiệu, nhãn hiệu và ghi rõ trên bao bì xuất xứ, đặc điểm và bảo hành giống.

+ Tăng cường kiểm tra các cơ sở cung cấp giống trong ngành nông nghiệp và các cơ sở dịch vụ tư nhân hoạt động trong lĩnh vực giống.

+ Chọn vùng lập địa thích hợp cho từng loại cây để cây trồng phát triển tốt, có khả năng chống sâu bệnh và không tạo môi trường cho sâu bệnh phát triển.

- Tăng cường trang bị kiến thức phòng trừ sâu bệnh hại rừng bằng cách mở các lớp tập huấn, đào tạo ngắn ngày.

+ Tổ chức tập huấn rộng rãi phương pháp quản lý sâu bệnh hại tổng hợp (IPM), phương pháp sử dụng thiên địch ký sinh trong phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng lâm nghiệp.

- Đưa công tác điều tra, dự báo sâu bệnh hại thành nề nếp và dự báo kịp thời để khởi đầu tới phát dịch nhằm giảm thiểu thiệt hại cho rừng trồng.

+ Thường xuyên tuyên truyền qua phương tiện thông tin đại chúng về tầm quan trọng của sâu bệnh hại rừng trồng để mọi người có ý thức phòng trừ ngay từ các khoảnh rừng của Công ty.

+ Xây dựng các cam kết, đưa vào các quy ước bảo vệ rừng thôn, bản, buôn, làng những quy định về phòng trừ sâu bệnh hại để mọi người dân cùng thực hiện phòng trừ sâu bệnh hại rừng trồng.

+ Ban hành quy phạm tạo cây con vườn ươm để đảm bảo cho cây con trước khi trồng đủ tiêu chuẩn sinh trưởng phát triển tốt có khả năng chống chịu được với sâu bệnh.

1.4. Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và khu rừng có giá trị bảo tồn cao

Mục đích kinh doanh: Không sử dụng vào mục đích thương mại, không xây dựng cơ sở hạ tầng, không sử dụng hóa chất.

Mục đích sử dụng tại chỗ: Chỉ thu hái một số lâm sản phụ như cây thuốc, nấm... nhưng không được diễn ra trong mùa giao phối, sinh sản.

Bảo vệ các loài động, thực vật quý hiếm: Lập danh mục các loài động, thực vật quý hiếm, xác định khu vực phân bố lên bản đồ và thực địa. Danh mục những loài động, thực vật rừng nguy cấp, quý được xác lập trên cơ sở Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, Sách đỏ Việt Nam xuất bản năm 2007. Quản lý thực vật quý hiếm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP và Công ước quốc tế về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES).

Phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức tuyên truyền phổ biến danh sách các loài động vật rừng nguy cấp quý hiếm, các biện pháp bảo vệ và các hành vi nghiêm cấm với những đối tượng này. In ấn tờ rơi có hình ảnh các đối tượng này và kèm theo tên địa phương để người dân dễ nhận biết.

Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và khu rừng có giá trị bảo tồn cao cụ thể như sau:

HCV	TK	Thực trạng	Mối đe dọa	Mục tiêu quản lý	Giải pháp chính
HCV 1	49, 50, 51, 55, 56, 57, 61, 62, 71A, 71B, 78, 90, 91, 96, 102	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích 4.392,74 là rừng tự nhiên - Rừng được coi là có một số loài động thực vật quý hiếm tại Việt nam - Có một số loài được liệt kê trong danh sách các loài bị đe dọa, nguy cấp của Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khai thác trái phép các loài cây gỗ có giá trị kinh tế làm suy giảm đa dạng sinh học, gây mất cân bằng sinh thái; - Săn bắt động vật hoang dã làm hủy diệt một số loài động vật. - Lừa rừng từ các hoạt động kinh doanh, khai thác rừng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì độ che phủ của rừng tự nhiên ở mức tốt nhất có thể. - Bảo vệ các loài động vật hoang dã quý hiếm và sinh cảnh của chúng. - Bảo tồn và nâng cao tính ĐDSH; tăng cường công tác quản lý và phát triển các loài động, thực vật quý hiếm bị suy giảm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng kế hoạch đồng quản lý, các hoạt động tuần tra bảo vệ rừng, bảo vệ động vật hoang dã. - Phối hợp với chính quyền và người dân địa phương triển khai tuyên truyền giáo dục bảo vệ rừng, bảo vệ động vật hoang dã tại các thôn bản. - Thực hiện nghiêm các quy định về cấm các hình thức săn bắn, khai thác các loài động, thực vật hoang dã. - Tiến hành khoanh một số vùng đại diện có tồn tại các loài thực vật quý hiếm để bảo tồn. - Thực hiện hoạt động giám sát các loài động thực vật quý hiếm.
HCV 4	56, 62, 70	<ul style="list-style-type: none"> - Toàn bộ diện tích: 902,52 ha là rừng phòng hộ 	<ul style="list-style-type: none"> - Khai thác trái phép các loài cây gỗ có giá trị kinh tế dẫn đến làm giảm chức năng phòng hộ của rừng. - Săn bắt động vật hoang dã làm hủy diệt một số loài động vật. Nhiều loài có phân bố lịch sử trong khu vực đến nay đã không còn tìm thấy nữa. Sự mất đi một số loài và suy giảm nghiêm trọng quần thể các loài động vật; - Khai thác lâm sản ngoài gỗ không kiểm soát làm mất tính ổn định của kết cấu rừng. - Lừa rừng đe dọa tính liên tục của rừng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giữ ổn định kết cấu rừng; - Duy trì ổn định và phát triển tốt hiện trạng các tiểu khu rừng phòng hộ trong khu vực. - Bảo vệ các lưu vực nước, vùng đệm dọc sông, suối trên diện tích khu vực rừng trồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng kế hoạch quản lý rừng tự nhiên lâu dài, ổn định. - Tăng cường nhận thức của đồng bào sông gần với khu vực quản lý về môi trường, nhằm khuyến khích cộng đồng địa phương không thực hiện săn bắn cũng như khai thác sử dụng và buôn bán các loài thực vật quý hiếm. - Khai thác rừng trồng cần không chế diện tích khai thác trắng một lần không quá 50 ha nhằm bảo vệ, chống xói mòn đất. - Lập các biển báo phòng cháy chữa cháy rừng.

2. Kế hoạch phát triển rừng sản xuất

2.1. Khoanh nuôi tái sinh tự nhiên

- Đối tượng: Bao gồm toàn bộ diện tích tái sinh tự nhiên trong rừng trồng Téch.
- Tổng diện tích: 14,6 ha.
- Phân bố tại: Tiểu khu 62 – Khoảnh 1,2; Tiểu khu 49 – Khoảnh 4; Tiểu khu 50 – Khoảnh 2; Tiểu khu 71B – Khoảnh 6; Tiểu khu 102 – Khoảnh 6; Tiểu khu 90 – Khoảnh 4; Tiểu khu 78 – Khoảnh 13; Tiểu khu 81BZ – Khoảnh 5.
- Biện pháp khoanh nuôi tái sinh: Tiến hành khoanh nuôi trong 6 năm.
- + Năm thứ nhất: Phát dọn dây leo, cây bụi và chặt bỏ cây cong queo, sâu bệnh, cây phi mục đích; Sửa gốc chồi và tỉa bớt chồi xấu, để lại mỗi gốc không quá 02 chồi và thực hiện vệ sinh rừng (2 lần/năm); Bảo vệ, chống chặt phá cây tái sinh hiện có và phòng cháy, chữa cháy rừng.
- + Năm thứ 2: Phát dọn dây leo, cây bụi và chặt bỏ cây cong queo, sâu bệnh, cây phi mục đích; Sửa gốc chồi và tỉa bớt chồi xấu, để lại mỗi gốc không quá 02 chồi và thực hiện vệ sinh rừng (2 lần/năm); Bảo vệ, chống chặt phá cây tái sinh hiện có và phòng cháy, chữa cháy rừng.
- + Năm thứ 3,4,5,6: Phát dọn dây leo, cây bụi và chặt bỏ cây cong queo, sâu bệnh, cây phi mục đích; Sửa gốc chồi và tỉa bớt chồi xấu, để lại mỗi gốc không quá 02 chồi và thực hiện vệ sinh rừng (1 lần/năm); Bảo vệ, chống chặt phá cây tái sinh hiện có và phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Kế hoạch khoanh nuôi tái sinh giai đoạn 2023 – 2030 như sau:

Đơn vị tính: Ha

STT	HẠNG MỤC	Kế hoạch KNTS giai đoạn 2023 - 2030					
		2023	2024	2025	2026	2027	2028
	Khoanh nuôi tái sinh tự nhiên diện tích đã tái sinh HG trong rừng trồng	14,60	14,60	14,60	14,60	14,60	14,60
-	Khoanh nuôi năm thứ 1	14,60					
-	Khoanh nuôi năm thứ 2		14,60	-	-	-	-
-	Khoanh nuôi năm thứ 3			14,60	-	-	-
-	Khoanh nuôi năm thứ 4				14,60	-	-
-	Khoanh nuôi năm thứ 5					14,60	-
-	Khoanh nuôi năm thứ 6						14,60

2.2. Kế hoạch trồng và chăm sóc rừng sản xuất

- Xác định tổng diện tích cần trồng rừng là: 189,09 ha. Trong đó:
 - + Trồng lại rừng sau khai thác: 189,09 ha.
- Mục đích trồng rừng: Cung cấp nguyên liệu sản phẩm đầu vào cho công nghiệp chế biến xuất khẩu.
- Loài cây trồng: Loài cây trồng chính hiện nay cũng như dự kiến đến năm 2030, vẫn là Téch có nguồn gốc xuất xứ, nhưng thời gian thu hoạch có những địa điểm sẽ kéo dài hơn khoảng từ 15 – 25 năm để cho nhiều gỗ lớn hơn.

Kế hoạch trồng và chăm sóc rừng trồng sản xuất như bảng sau:

Đơn vị tính: Ha

STT	HẠNG MỤC	Kế hoạch trồng và chăm sóc rừng trồng sản xuất giai đoạn 2023 - 2030								
		Tổng cộng	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
	Trồng lại rừng sau khai thác và CS rừng trồng		39,81	55,15	74,34	66,26	72,18	75,19	68,02	62,71
-	Trồng +chăm sóc năm 1	189,09	34,65	19,55	20,14	26,57	25,47	23,15	19,40	20,16
-	Chăm sóc rừng trồng năm 2	169,88	0,95	34,65	19,55	20,14	26,57	25,47	23,15	19,40
-	Chăm sóc rừng trồng năm 3	154,69	4,21	0,95	34,65	19,55	20,14	26,57	25,47	23,15

2.3. Kế hoạch trồng bổ sung cây bản địa hành lang bảo vệ ven suối

- Hàng năm, Công ty căn cứ vào kế hoạch trồng lại rừng Tách sẽ xác định diện tích và phương thức trồng cây bản địa cụ thể cho từng khu vực, lô rừng. Cây bản địa được trồng phân tán (ở khu vực hành lang ven suối, xung quanh lô, hoặc tận dụng đất bìa lô). Các loại cây bản địa dự kiến trồng là: Giáng hương, Bời lời, cặm xe, muồng đen...

- Các biện pháp trồng vào chăm sóc cây bản địa được thực hiện theo quy trình trồng và chăm sóc cây bản địa.

- Kế hoạch trồng bổ sung cây bản địa hành lang bảo vệ ven suối như bảng sau:

Đơn vị tính: ha

STT	HẠNG MỤC	Kế hoạch trồng bổ sung cây bản địa hành lang bảo vệ ven suối giai đoạn 2023 - 2030								
		Tổng cộng	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
	Trồng bổ sung cây bản địa hành lang bảo vệ ven suối		1,00	2,00	2,98	1,98	0,98	-	-	-
-	Trồng +chăm sóc năm 1	2,98	1,00	1,00	0,98					
-	Chăm sóc rừng trồng năm 2	2,98		1,00	1,00	0,98	-	-	-	-
-	Chăm sóc rừng trồng năm 3	2,98		-	1,00	1,00	0,98	-	-	-

3. Kế hoạch khai thác lâm sản

3.1. Kế hoạch khai thác lâm sản rừng sản xuất

3.1.1. Kế hoạch khai thác lâm sản trong rừng sản xuất là rừng tự nhiên

Khai thác lâm sản ngoài gỗ, tre nứa, song mây, các loại vỏ cây có sợi. Nhóm sản phẩm làm thực phẩm từ thực vật như: Các loại nấm ăn được, các loại quả ăn được như bứa, tai chua, trám, ... Các sản phẩm từ động vật như: Mật ong, tôm, cá, cua, ốc. Nhóm sản phẩm dược phẩm như, sa nhân. Nhóm sản phẩm dầu nhựa như: Dầu rái, chò chai... và một số sản phẩm khác như: lá dong.

3.1.2. Kế hoạch khai thác lâm sản trong rừng sản xuất là rừng trồng Tách

- Trong giai đoạn 2023 - 2030 dự kiến sẽ khai thác 189,09 ha rừng trồng Tách với tổng sản lượng là: 38.087 m³; Cụ thể như sau:

- Xác định chu kỳ khai thác theo loài cây: 12-25 năm
- Chọn đối tượng rừng đưa vào khai thác: Rừng trồng gỗ Tách.
- Tỷ lệ lợi dụng gỗ: 75- 80 %.
- Loại sản phẩm, quy cách sản phẩm: Gỗ gia dụng xuất khẩu.
- Kỹ thuật và công nghệ theo tiêu chuẩn khai thác tác động thấp.

Chi tiết Kế hoạch khai thác gỗ rừng trồng Tách giai đoạn 2023-2030 như sau:

STT	Năm trồng	Tổng cộng		Năm khai thác					
				Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
		DT (ha)	SL (m3)	DT (ha)	SL (m3)	DT (ha)	SL (m3)	DT (ha)	SL (m3)
	Tổng cộng	189,09	38.087,0	34,65	6.621	19,55	4.161	20,14	3.998
1	Năm 2009	19,56	3.671	19,56	3.671				
2	Năm 2010	44,84	9.426	15,09	2.950	19,55	4.161	10,20	2.315
3	Năm 2012	67,23	6.581					9,94	1.683
4	Năm 2013	57,46	-						

STT	Năm trồng	Năm khai thác									
		Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030	
		DT (ha)	SL (m3)	DT (ha)	SL (m3)	DT (ha)	SL (m3)	DT (ha)	SL (m3)	DT (ha)	SL (m3)
	Tổng cộng	26,57	4.898	25,47	5.008	23,15	4.684	19,40	4.142	20,16	4.574
1	Năm 2009										
2	Năm 2010										
3	Năm 2012	26,57	4898	25,47	5008	5,25	1101				
4	Năm 2013					17,90	3583	19,40	4142	20,16	4574

3.2. Tổ chức khai thác, tiêu thụ sản phẩm gỗ Tách

- Gỗ rừng trồng được doanh nghiệp thu mua kiểm tra chất lượng và quyết định mua tại rừng, sau khi tiến hành khai thác được người khai thác bóc vỏ tại chỗ và vận chuyển xuống các bãi gỗ để kiểm tra và vận chuyển về nơi tiêu thụ.

- Tiêu thụ chủ yếu cho xuất khẩu.

* Khả năng tiêu thụ

Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Hòa Phát liên kết với Công ty về việc thực hiện QLRBV và cấp chứng chỉ rừng FSC/FM-CoC cho rừng trồng Tách; Công ty cổ phần lâm nghiệp Hòa Phát hỗ trợ chi phí cho việc xây dựng đào tạo nâng cao năng lực QLRBV và chứng chỉ rừng, chuẩn bị hồ sơ, trả phí cho tổ chức chứng nhận để cấp chứng chỉ và duy trì chứng chỉ rừng FSC/FM-CoC cho rừng trồng Tách và cam kết bao tiêu toàn bộ sản phẩm gỗ Tách với giá bằng giá thị trường và thêm phần trợ giá cho mỗi m³ gỗ, đồng thời hỗ trợ về kỹ thuật cũng như một phần cây giống cho rừng Tách trồng lại sau khai thác. Do đó đây sẽ là đầu mối tiêu thụ ổn định và hiệu quả đơn vị trong những năm tiếp theo.

4. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực

- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực:

+ Nội dung đào tạo: Trước hết cần tập trung vào việc nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ Công ty, kỹ năng cho người lao động; triển khai chương trình đào tạo nâng cao, đào tạo lại cho các cán bộ trực tiếp làm công tác bảo vệ rừng.

+ Bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề tại chỗ cho tất cả cán bộ công nhân viên và người lao động tham gia sản xuất của Công ty, các kỹ năng làm việc, các kiến thức chuyên

môn cần thiết và kinh nghiệm xử lý các tình huống trong công việc cho người lao động mình quản lý;

+ Hình thức đào tạo: Mở các lớp tập huấn ngắn hạn như: Tập huấn công tác PCCCR; Tập huấn công tác Bảo tồn thiên nhiên; Tập huấn cập nhật diễn biến tài nguyên rừng.

+ Trong giai đoạn 2023 - 2030 dự kiến mở 15 đợt tập huấn.

* Đối với FSC Công ty dự kiến tổ chức các lớp tập huấn trong năm 2022 như sau:

- Quy trình xin cấp chứng chỉ rừng FSC; Bộ tiêu chuẩn FSC V 1.0;

- Công ước ILO (8 công ước cốt lõi); ILO 169; UNDRIP và quan hệ cộng đồng;

- Tập huấn về giám sát các hoạt động lâm nghiệp và an toàn lao động;

- Tập huấn về bảo vệ hành lang ven suối và khu vực bảo vệ; xử lý rác thải

Tập huấn về giám sát rừng có giá trị bảo tồn cao ;

- Đánh giá tác động môi trường và xã hội; Chính sách thuốc trừ sâu của FSC - POL-30-001; Hướng dẫn đánh giá rủi ro về môi trường và xã hội khi sử dụng thuốc trừ sâu;

- Tham vấn các bên liên quan;

- Quy trình lâm sinh (trồng, chăm sóc và khai thác); Các luật hiện hành và chuỗi hành trình sản phẩm CoC.

5. Kế hoạch xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng trong vùng cấp chứng chỉ rừng

5.1. Xây dựng đường băng cản lửa

Giai đoạn 2023 – 2030 bình quân xây dựng mới 4,0 km/năm. Vị trí: đối với diện tích rừng trồng Tách của đơn vị tại tiểu khu: TK49; TK 50; TK 55; TK 57; TK 61; TK 62; TK 71A; TK71B; TK 78; TK 81A; TK 81BZ; TK 82; TK 90; TK 91; TK 96; TK102.

5.2. Xây dựng hệ thống biển báo

- Bảng cấp dự báo cháy rừng: Trong giai đoạn 2023 - 2030 dự kiến xây dựng mới 01 bảng cấp dự báo cháy rừng đặt tại trạm quản lý bảo vệ rừng Ea Ral, Quy cách bảng: Bảng làm bằng tole, khung sắt, kích thước 4,2m x 2m, chân bảng cao 1m.

- Bảng Pa nô tuyên truyền phòng cháy chữa cháy: Dự kiến trong giai đoạn 2023-2030 đơn vị xây dựng mới 04 bảng Pa nô tuyên truyền bằng thép kích thước 36m x 2,4m, chân bảng cao 1,1m.

- Xây dựng bảng bảng quy định QLBR, PCCCR (kích thước 40cm x 40cm). Tại các cửa rừng, khu vực trọng điểm cháy rừng cần đóng các bảng quy định về PCCCR. Số lượng dự kiến làm mới trong giai đoạn từ năm 2023 - 2030 là 360 bảng. Bảng làm bằng Tole, khung làm bằng sắt hộp, kích thước 0,6 x 0,9m.

- Xây dựng hệ thống bảng tam giác

+ Bảng tam giác cấm lửa, cấm chặt và đốt rừng: Rừng gần nương rẫy của người dân địa phương, khu vực đường mòn nơi đông người qua lại và các tuyến đường đi qua khu rừng thông cứ 200m phải bố trí biển cấm lửa hoặc cấm đốt rừng. Các biển cấm làm bằng sắt hình tam giác có kích thước (40 x 40 x 40 cm). Số lượng dự kiến làm mới trong giai đoạn 2023 – 2030 là: 400 bảng.

+ Bảng tam giác cấm săn bắt động vật hoang dã: Trong giai đoạn từ năm 2023 - 2030 là 160 bảng. Đóng tại các nhà sinh hoạt cộng đồng của các buôn, làng trên địa bàn và gần nương rẫy của người dân thường xuyên qua lại.

+ Bảng khu vực HCV: 02 bảng đóng tại khu vực rừng tự nhiên có HCV.

+ Bảng chỉ dẫn cây quý hiếm, động vật quý hiếm: 10 bảng.

+ Bảng hành lang ven suối: 02 bảng.

6. Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng

a) Dự kiến các dịch vụ cho cộng đồng

- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp.
- Khai thác, thu nhặt lâm sản khác ngoài gỗ.
- Các hoạt động được chuyên môn hoá trên cơ sở thuê mướn hoặc hợp đồng các công việc phục vụ lâm nghiệp.

Cụ thể:

- + Hoạt động thầu khoán các công việc lâm nghiệp (đào hố, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch,...);
- + Hoạt động bảo vệ rừng, phòng chống sâu bệnh cho cây lâm nghiệp;
- + Đánh giá, ước lượng số lượng cây trồng, sản lượng cây trồng;
- + Hoạt động quản lý lâm nghiệp, phòng cháy, chữa cháy rừng;
- + Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp khác (cho thuê máy lâm nghiệp có cả người điều khiển,...);
- + Dịch vụ chăn nuôi, cứu hộ, chăm sóc động thực vật rừng.

b) Hình thức tổ chức thực hiện

Về phía Công ty:

Xác định các phân vùng chức năng gắn liền với phương thức lợi dụng rừng theo quy định. Hướng dẫn thủ tục xây dựng quy ước, hương ước khai thác lâm sản ngoài gỗ phục vụ nhu cầu tại chỗ, các mục đích thương mại...

Xác định mục đích, phương thức, phương pháp sử dụng bền vững tài nguyên rừng; điều tra hiện trạng, phân bố, trữ lượng và khả năng sử dụng của các loại tài nguyên rừng; điều tra xác định danh mục các loại tài nguyên rừng được sử dụng bền vững.

Thực hiện quản lý, giám sát việc sử dụng bền vững tài nguyên: Việc quản lý và giám sát các tác động vào khu rừng cần thông qua một hướng dẫn lâm sinh đơn giản, phù hợp với người dân nhưng vẫn phải đảm bảo các quy chế về khai thác gỗ và lâm sản. Trong quá trình thực hiện phải tổ chức hướng dẫn, giám sát chặt chẽ tránh việc lợi dụng khai thác không đúng quy định.

Về phía người dân, cộng đồng:

Thực hiện đầy đủ các điều khoản, quyền lợi và nghĩa vụ ghi trong quy chế, hương ước khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ được chủ rừng soạn thảo theo các quy định của Pháp luật.

Kiểm tra giám sát lẫn nhau để ngăn chặn những hành vi lợi dụng rừng không đúng quy định. Khi phát hiện phải trình báo ngay cho chủ rừng, chính quyền địa phương hoặc kiểm lâm sở tại để ngăn chặn, xử lý kịp thời.

7. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng

- Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền như: tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu Pháp luật; các cuộc thi; lồng ghép trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt chính trị... nhằm phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng như: Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12-1-2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Luật Lâm nghiệp năm 2017; Luật đất đai năm 2013; Luật Xử lý vi phạm hành chính; Luật Phòng cháy, chữa cháy; Nghị định 156/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Các thông tư, Quyết định liên quan đến pháp luật bảo vệ và phát triển rừng.

- Xây dựng chương trình, nội dung, hình thức tuyên truyền về công tác QLBR&PCCC thông qua các đợt tuyên truyền tại các thôn, bản, buôn, làng trên địa bàn xã Ea Ral; Cư Mốt, Ea Wy và xã Cư A Mung nhằm nâng cao nhận thức cho cộng đồng dân cư về công tác QLBR&PCCC.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về Luật Lâm nghiệp năm 2017, Luật phòng cháy và chữa cháy; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2013.

- Ban chỉ huy PCCC Công ty tham mưu cho UBND các xã biên soạn và hướng dẫn nội dung tuyên truyền về công tác QLBR&PCCC.

- Công ty thông qua các buổi họp làng bản đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên địa bàn của mình bằng nhiều nội dung, hình thức phù hợp; thông qua tuyên truyền vận động các thôn, bản, buôn, làng xây dựng hương ước, quy ước bảo vệ rừng; phát huy sức mạnh tổng hợp toàn dân, tính chủ động trong việc QLBR&PCCC.

- Phát hành các loại lịch, tranh ảnh, áp phích có in nội dung tuyên truyền về QLBR&PCCC để phân phát đến các hộ gia đình.

- Phát các bản tin dự báo cháy rừng qua các phương tiện thông tin đại chúng.

- Xây dựng chương trình tuyên truyền về bảo vệ rừng và PCCC thông tin trên các phương tiện truyền thông.

- Thông báo số điện thoại trực của Ban chỉ huy PCCC của đơn vị, UBND xã cho người dân biết, đề kịp thời thông báo ngăn ngừa các vi phạm qui định về phòng cháy, chữa cháy rừng và thông báo sớm điểm cháy rừng.

Trong giai đoạn 2023 - 2030 tổ chức 08 đợt tuyên truyền.

8. Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng

8.1. Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, giám sát đa dạng sinh học

a) Chương trình theo dõi diễn biến tài nguyên rừng.

* Nhiệm vụ theo dõi diễn biến rừng:

- Theo dõi diễn biến diện tích theo trạng thái rừng;
- + Theo dõi diễn biến diện tích rừng: Rừng tự nhiên và rừng trồng;
- Theo dõi diễn biến diện tích chưa có rừng;
- + Diện tích cây trồng chưa thành rừng;
- + Diện tích khoanh nuôi tái sinh;
- + Diện tích khác đang được sử dụng để bảo vệ và phát triển rừng.
- Theo dõi diễn biến diện tích theo mục đích sử dụng rừng
- + Theo dõi diễn biến rừng sản xuất.
- Theo dõi diễn biến diện tích rừng theo các nguyên nhân
- + Tăng diện tích rừng như:

Trồng rừng;

Rừng trồng đủ tiêu chí thành rừng;

Khoanh nuôi tái sinh đủ tiêu chí thành rừng;

Các nguyên nhân khác.

+ Giảm diện tích rừng như:

Khai thác rừng;

Khai thác rừng trái phép;

Cháy rừng;

Phá rừng trái pháp luật, lấn chiếm đất rừng;

Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;
Các nguyên nhân khác (sâu, bệnh hại rừng, lốc xoáy, hạn hán, lũ lụt, sạt lở, băng tuyết...).

* Quy trình thực hiện theo dõi diễn biến rừng

- Thu thập thông tin biến động về rừng:

- Thời điểm xác định có biến động về rừng theo các nguyên nhân.

- Cập nhật diễn biến rừng;

- Phê duyệt và công bố kết quả theo dõi diễn biến rừng.

* Quản lý lưu trữ kết quả theo dõi diễn biến rừng:

- Dữ liệu kết quả theo dõi diễn biến rừng (dạng giấy và dạng số) được quản lý lưu trữ hằng năm;

- Dữ liệu kết quả dạng số được tích hợp vào cơ sở dữ liệu trên Hệ thống thông tin ngành Lâm nghiệp đặt tại Tổng cục Lâm nghiệp, được quản lý lưu trữ tại các cấp huyện, tỉnh và Tổng cục Lâm nghiệp.

b) Chương trình giám sát đa dạng sinh học.

* Nội dung giám sát đa dạng sinh học:

Điều tra diện tích các kiểu thảm thực vật rừng;

Điều tra đặc trưng cơ bản của hệ sinh thái rừng, bao gồm các nhóm yếu tố: động vật rừng, thực vật rừng, địa lý, địa hình, khí hậu, thủy văn và yếu tố tác động của con người;

Điều tra cấu trúc các hệ sinh thái khác, bao gồm: mặt nước tự nhiên và nhân tạo, trảng cỏ, cây bụi và các sinh cảnh khác.

* Phương pháp giám sát đa dạng sinh học

- Sử dụng bản đồ hiện trạng rừng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư: 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ NN&PTNT để xác định các kiểu thảm thực vật rừng;

- Sử dụng ô tiêu chuẩn điển hình có diện tích 2.000 m² để điều tra các kiểu thảm thực vật rừng, mô tả các đặc trưng.

8.2. Điều tra, kiểm kê rừng

Nhiệm vụ kiểm kê rừng, bao gồm: kiểm kê theo trạng thái; kiểm kê theo chủ quản lý; kiểm kê theo mục đích sử dụng và lập hồ sơ quản lý rừng. Công ty tiến hành kiểm kê rừng theo đúng quy trình, quy phạm hướng dẫn và tuân thủ đúng Pháp luật.

9. Kế hoạch kiểm tra, giám sát

9.1. Kế hoạch giám sát

Để từng bước hoàn thiện hệ thống giám sát và đáp ứng tiêu chuẩn của FSC trong quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng. Năm 2022 công ty đã Xây dựng quy định giám sát các hoạt động lâm nghiệp trong đó

- Phân cấp giám sát theo các cấp công ty, cấp phân trường.

- Tỷ lệ giám sát

- Nội dung, tiêu chí giám sát

- Báo cáo giám sát

(Chi tiết được thể hiện tại Quy định về việc giám sát các hoạt động lâm nghiệp tại công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ea Wý)

9.1.1. Giám sát rừng có giá trị bản tồn cao (HCV):

Đây là nội dung quan trọng trong thực hiện QLRBV. Công ty xác định và khoanh vùng rừng có giá trị bảo tồn cao trên bản đồ và có báo cáo. Dựa trên khung giám sát đã được xác

định trong báo cáo HCVF, Công ty thực hiện giám sát bằng việc tuần tra thường xuyên tại các khu vực có sự hiện diện HCVF. Nội dung giám sát chính gồm:

- Tuần tra định kỳ theo các khu vực có hiện diện của HCVF và cả khu vực hành lang nối liền các khu HCVF;
- Xác định các mối đe dọa đang hiện hữu, hoặc tiềm ẩn trong tương lai;
- Kết quả quan sát khi tuần tra phải được ghi vào báo cáo và hoặc nhật ký;
- Báo cáo kết quả lên ban lãnh đạo để tìm ra biện pháp quản lý, ứng phó phù hợp để chặn đứng hoặc giảm nhẹ các mối đe dọa đó;
- Các mối đe dọa có thể bao gồm khai thác gỗ trái phép phá vỡ sinh cảnh của động vật, săn bắn, cháy rừng, đặt bẫy, phá rừng làm rẫy, đào đãi khoáng sản, ken cây.

9.1.2. Giám sát tác động môi trường;

Tác động môi trường gồm có đánh giá trước, trong và sau khi trồng rừng, khai thác thực hiện những hoạt động sau: tác động từ làm đường; tác động từ khai thác; cháy rừng; các HCVF; khai thác lâm sản trái pháp luật.

Giám sát hành lang ven suối và khu vực bảo vệ, khu vực có giá trị bảo tồn cao.

9.1.3. Giám sát tác động xã hội:

- Tác động xã hội gồm hai khía cạnh: tác động xã hội nội bộ và tác động xã hội bên ngoài:

+ Tác động xã hội nội bộ gồm: mức độ hài lòng trong công việc; sức khỏe (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp..); an toàn lao động; cơ chế khiếu nại.

+ Tác động xã hội bên ngoài: mức độ phối hợp giải quyết các mâu thuẫn; sức khỏe (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế); an toàn lao động; cơ chế khiếu nại.

- Thực hiện giám sát tác động xã hội trước, trong và sau của hoạt động trồng rừng và khai thác rừng. Để phát hiện các tác động tiêu cực đến cộng đồng dân cư, người dân tộc sống gần khu vực khai thác, trồng rừng của công ty.

9.1.4. Giám sát hoạt động khai thác

- Hoạt động khai thác gồm các hoạt động sau cần giám sát: thiết kế khai thác, làm đường; khai thác gỗ, lâm sản ngoài gỗ; vận xuất, tập kết gỗ chính phẩm tại bãi gỗ; gỗ tận thu tận dụng, cành ngọn; vận chuyên gỗ; vệ sinh rừng; lâm sinh; bán hàng và doanh thu.

9.1.5. Giám sát thường xuyên :

- Đảm bảo việc xác lập các ô định vị trên thực địa để thực hiện việc giám sát đánh giá theo dõi các chỉ tiêu lâm học theo định kỳ. Công tác giám sát sẽ thực hiện theo Mẫu biểu của Công ty. Nội dung giám sát bao gồm:

+ Tỷ lệ tăng trưởng, tái sinh, tổ thành loài cây và tình trạng rừng, độ tàn che rừng được thực hiện 5 năm 1 lần đối với rừng tự nhiên và 1 năm đối với rừng trồng;

+ Môi trường sống của động thực vật, đất đai, khu vực phòng hộ ven sông suối, gỗ và lâm sản ngoài gỗ được giám sát theo tháng, theo quý, hoặc trước và sau khi khai thác. Tần suất giám sát phụ thuộc vào đối tượng cần giám sát.

+ Các biểu hiện sâu bệnh hại, cháy rừng, v.v...

+ Kiểm tra đảm bảo không có hoạt động lâm nghiệp trái phép diễn ra.

+ Quản lý các khu rừng có giá trị bảo tồn cao.

- Kết quả giám sát phải được ghi lại bằng văn bản hoặc ảnh chụp, có ghi thời gian giám sát;

- Hàng tuần, các tổ trưởng quản lý và bảo vệ rừng phải tổng hợp các ghi chép theo dõi giám sát của tổ nhóm và gửi lên bộ phận kỹ thuật QLBRV. Trong trường hợp phát hiện vấn đề trong quá trình giám sát, phải báo cáo lên Bộ phận Kỹ thuật-QLBRV và Ban lãnh đạo trong vòng 1 ngày kể từ khi phát hiện để đưa ra giải pháp khắc phục.

9.2. Kế hoạch đánh giá

a) Đánh giá hàng năm

- Đánh giá về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và bảo tồn đa dạng sinh học.
- Đánh giá về mặt môi trường.
- Đánh giá về tác động xã hội.
- Đánh giá về hiệu quả kinh tế.

b) Đánh giá giữa chu kỳ.

c) Đánh giá cuối chu kỳ.

Kết quả theo dõi, đánh giá làm báo cáo phân tích kết quả đã đạt được về kinh tế, mặt lâm sinh, môi trường, về tác động xã hội, làm cơ sở so sánh với kế hoạch đã lập, nhằm đề xuất các giải pháp hoàn thiện những việc chưa làm được, đề xuất những điều chỉnh kế hoạch cho chu kỳ kế hoạch tiếp theo.

10. Kết luận

Điều chỉnh bổ sung kế hoạch cấp chứng chỉ rừng trồng Tách giai đoạn 2023 – 2030 được xây dựng dựa trên cơ sở thừa kế những nguồn tài liệu tin cậy, cùng với số liệu điều tra hiện trường đồng thời thực hiện trên cơ sở những văn bản, hướng dẫn, quy chế về quản lý rừng, các giải pháp kỹ thuật lâm sinh, khai thác gỗ và lâm sản, định mức kinh tế kỹ thuật hiện hành. Phương án xây dựng đã đảm bảo các nguyên tắc cơ bản của QLBRV. Về nội dung phù hợp với Đường lối, Chủ trương chính sách của Nhà nước. Do vậy, đây là báo cáo có đủ căn cứ khoa học và thực tiễn đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ea Wy trong thời gian tới.

Thực hiện kế hoạch này nhằm khắc phục một số tồn tại cơ bản và quản lý bảo vệ và sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng, hỗ trợ kỹ thuật cho người dân, tạo thêm việc làm cho lao động địa phương tham gia thông qua các hoạt động trồng rừng, bảo vệ rừng, làm giàu rừng,... Góp phần nâng cao đời sống kinh tế, ổn định cuộc sống cho đồng bào dân tộc thiểu số, người dân địa phương nhằm đạt mục tiêu quản lý bền vững nguồn tài nguyên rừng của đơn vị.

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP EA WY

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
LÂM NGHIỆP
EA WY
HEAH'LEO - T. ĐAK LAK



Phạm Lân Việt

DIỆN TÍCH ĐẤT LÂM NGHIỆP SẢN XUẤT ĐƯA VÀO CẤP CHỨNG CHỈ RỪNG FSC

Tên chủ rừng: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ea Wy

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng	Năm trồng	Cộng toàn vùng cấp CC			Xã Cư A Mung			Xã Cư Mốt			Xã EaWy		
				DT Cấp CC			DT Cấp CC			DT Cấp CC			DT Cấp CC		
				Tổng	DT Tách	DT cây khác	Tổng	DT Tách	DT cây khác	Tổng	DT Tách	DT cây khác	Tổng	DT Tách	DT cây khác
	Tổng cộng			463,95	389,28	26,73	184,28	151,00	7,65	118,98	94,24	12,74	160,69	144,04	6,34
1	RTN bảo vệ			44,96			25,16			11,09			8,71		
		TXB		2,46						2,46					
		TXN		0,76						0,76					
		TXK		-											
		TXP		11,81						7,87			3,94		
		NRLB		1,70			1,70								
		NRLN		15,71			15,71								
		NRLK		4,84			4,84								
		NRLP		2,24			2,24								
		RLP		0,67			0,67								
		HG2		4,77									4,77		
2	Hành lang bảo vệ nguồn nước			2,98			0,47			0,91			1,60		
		DT1		2,98			0,47			0,91			1,60		
	Rừng trồng SX			416,01	389,28	26,73	158,65	151,00	7,65	106,98	94,24	12,74	150,38	144,04	6,34
3	Đất rừng trồng			404,66	378,37	26,29	153,55	146,34	7,21	106,17	93,43	12,74	144,94	138,60	6,34

		RTG	2009	19,77	19,56	0,21	7,16	7,16	-	-	-	-	12,61	12,40	0,21
		RTG	2010	46,66	44,84	1,82	20,73	19,90	0,83	1,33	1,33	-	24,60	23,61	0,99
		RTG	2012	74,66	67,23	7,43	10,12	9,67	0,45	52,43	46,57	5,86	12,11	10,99	1,12
		RTG	2013	104,93	95,75	9,18	33,51	30,51	3,00	30,75	27,07	3,68	40,67	38,17	2,50
		RTG	2014	92,63	87,16	5,47	61,59	59,66	1,93	21,66	18,46	3,20	9,38	9,04	0,34
		RTG	2015	30,22	29,22	1,00	13,23	12,23	1,00	-	-	-	16,99	16,99	-
		RTG	2016	8,00	7,30	0,70	2,23	2,23	-	-	-	-	5,77	5,07	0,70
		RTG	2017	21,43	21,43	-	4,82	4,82	-	-	-	-	16,61	16,61	-
		RTG	2018	6,36	5,88	0,48	0,16	0,16	-	-	-	-	6,20	5,72	0,48
4	Đất đã trồng rừng chưa đạt tiêu chí là rừng			11,35	10,91	0,44	5,10	4,66	0,44	0,81	0,81	-	5,44	5,44	-
		DTR	2019	3,36	3,36	-	2,55	2,55	-	0,81	0,81	-	-	-	-
		DTR	2020	2,83	2,39	0,44	1,42	0,98	0,44	-	-	-	1,41	1,41	-
		DTR	2021	4,21	4,21	-	0,18	0,18	-	-	-	-	4,03	4,03	-
		DTR	2022	0,95	0,95	-	0,95	0,95	-	-	-	-	-	-	-

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG BỀN VỮNG TRONG VÙNG CẤP CHỨNG CHỈ RỪNG GIAI ĐOẠN 2023 - 2030

Tên chủ rừng: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ea Wy

ĐVT: ha

STT	HẠNG MỤC	Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2023 - 2030								
		Tổng cộng	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
	Tổng cộng vùng cấp chứng chỉ rừng		463,95	463,95	463,95	463,95	463,95	463,95	463,95	463,95
I	BẢO VỆ RỪNG HIỆN CÓ		408,54	392,20	372,03	381,11	376,19	374,16	395,93	401,24
1	Bảo vệ rừng tự nhiên		44,96	44,96	44,96	44,96	44,96	44,96	44,96	44,96
2	Bảo vệ rừng trồng		349,47	334,13	314,94	323,02	317,10	314,09	321,26	326,57
3	Bảo vệ các loài cây TS và các loài cây khác trong rừng trồng		12,13	12,13	12,13	12,13	12,13	12,13	26,73	26,73
4	Bảo vệ hành lang ven suối		1,98	0,98	-	1,00	2,00	2,98	2,98	2,98
II	PHÁT TRIỂN RỪNG		55,41	71,75	91,92	82,84	87,76	89,79	68,02	62,71
1	Trồng lại rừng sau khai thác và chăm sóc rừng trồng		39,81	55,15	74,34	66,26	72,18	75,19	68,02	62,71
	Trồng +chăm sóc năm 1	189,09	34,65	19,55	20,14	26,57	25,47	23,15	19,40	20,16
	Chăm sóc rừng trồng năm 2	169,88	0,95	34,65	19,55	20,14	26,57	25,47	23,15	19,40
	Chăm sóc rừng trồng năm 3	154,69	4,21	0,95	34,65	19,55	20,14	26,57	25,47	23,15
2	Khoanh nuôi rừng		15,60	16,60	17,58	16,58	15,58	14,60	-	-
2.1	Khoanh nuôi tái sinh tự nhiên diện tích đã tái sinh HG trong rừng trồng		14,60	14,60	14,60	14,60	14,60	14,60	-	-
	Khoanh nuôi năm thứ 1	14,60	14,60							
	Khoanh nuôi năm thứ 2	14,60		14,60	-	-	-	-	-	-
	Khoanh nuôi năm thứ 3	14,60		-	14,60	-	-	-	-	-
	Khoanh nuôi năm thứ 4	14,60		-	-	14,60	-	-	-	-
	Khoanh nuôi năm thứ 5	14,60		-	-	-	14,60	-	-	-
	Khoanh nuôi năm thứ 6	14,60		-	-	-	-	14,60	-	-
2.2	KN, trồng bổ sung cây bản địa hành lang bảo vệ ven suối		1,00	2,00	2,98	1,98	0,98	-	-	-
	Trồng +chăm sóc năm 1	2,98	1,00	1,00	0,98					
	Chăm sóc rừng trồng năm 2	2,98		1,00	1,00	0,98	-	-	-	-
	Chăm sóc rừng trồng năm 3	2,98		-	1,00	1,00	0,98	-	-	-

